

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **04/2019/KDTM-ST**

Ngày: 19/7/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương

Ông Trần Lộc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2019/KDTM-ST ngày 22/02/2019 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/QĐST – KDTM ngày 02/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: số A HV, quận HK, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T – chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP A chi nhánh B

(Theo quyết ủy quyền số 906 ngày 26/11/2018)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Quốc T - chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân ngân hàng TMCP A chi nhánh B. Có mặt

(Theo quyết định số 520 ngày 06/12/2018)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1989. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm C, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Anh Ngô Sỹ H, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam số 06 Bộ công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2018 và bản tự khai và quá trình tố tụng và tại phiên tòa Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A trình bày:

Chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H vay vốn kinh doanh tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh B thông qua hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/7188344/HĐTD ngày 04/10/2017.

Số tiền vay: 750.000.000đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng)

Lãi suất: Theo quy định của ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn: 11 tháng

Ngày đến hạn: 04/09/2018

Dư nợ gốc tính đến hết ngày 19/7/2019: 750.000.000 đồng

Lãi trong hạn từ ngày 04/10/2017 đến ngày 03/3/2018 với mức lãi suất 9%/năm là 27.924.658 đồng. Từ ngày 04/3/2018 đến ngày 19/7/2019 với mức lãi suất 9,7% lãi trong hạn là 100.056.164 đồng, lãi quá hạn là 31.691.096 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng chị Nguyễn Thị B đã trả được số tiền lãi trong hạn là 32.309.589 đồng.

- Tài sản đảm bảo khoản vay: Khoản vay của bà Nguyễn Thị B được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số CB 942514 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 28/01/2016 đứng tên chủ sử dụng ông Ngô Sỹ H và bà Nguyễn Thị B đã được lập thành hợp đồng thế chấp số 01/2016/7188344/HĐBĐ ngày 18/11/2016 giữa ông Ngô Sỹ H và bà Nguyễn Thị B với Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B. Được sửa đổi, bổ sung bằng Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/7188344/VBSD ngày 18/6/2018.

Do chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, Ngân hàng đã tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng chị B không trả.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Ngô Sỹ H và chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 750.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 19/7/2019, lãi trong hạn là 95.671.233 đồng, lãi quá hạn là 31.691.096 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 877.362.329 đồng. Tiền lãi được tiếp tục

tính theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị B và anh H trả hết toàn bộ số tiền nợ.

Trường hợp chị B và anh H không trả được nợ đầy đủ, đề nghị phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, chị Nguyễn Thị B có mặt tại địa phương nhưng từ chối nhận văn bản, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, do đó không có lời khai của chị Nguyễn Thị B.

Đối với anh Ngô Sỹ H hiện nay đang chấp hành án tại đội 25 phân trại số 1 trại giam số 6 Bộ công an. Tại bản tự khai ngày 07/3/2019 anh H trình bày việc vay vốn ngân hàng và thế chấp tài sản anh H đã ủy quyền cho vợ là Nguyễn Thị B còn nội dung cụ thể thì anh không biết rõ. Tòa án đã làm việc trực tiếp làm việc với anh H nhưng anh H từ chối làm việc với Tòa án.

- Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7188344/HĐBĐ ngày 18/11/2016 giữa chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh B. Hiện trạng tài sản thế chấp được giữ nguyên, không có sự dịch chuyển hay xây dựng thêm công trình gì trên tài sản thế chấp.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu; Nguyên đơn chấp hành các quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa, xét các hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Tại thời điểm ký kết các hợp đồng các bên đều đủ năng lực hành vi dân sự, không bên nào bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hai bên hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, hợp đồng đăng ký thế chấp tài sản và đăng ký thế chấp QSDĐ đã thực hiện đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện bên vay tài sản chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H trả nợ số tiền tạm tính đến ngày 05/3/2019 như sau:

- Nợ gốc: 750.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 68.564.384 đồng.

- Lãi quá hạn: (lãi phạt): 18.137.671 đồng.

- Tổng nợ 836.702.055 đồng.

Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp chị B và anh H không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 274, 275, 278, 280, 292, 299, 320, 322, 463, 465, 466, 468 BLDS năm 2015. Điều 147 BLTTDS năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 đề nghị xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Buộc chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H trả số tiền gốc và nợ là 836.702.055 đồng tính đến ngày 05/3/2019 và chấp nhận khoản nợ phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng. Xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền của Tòa án: Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Bị đơn chị Nguyễn Thị B, anh Ngô Sỹ H có nơi cư trú tại xóm C xã DT, huyện D tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào các Điều 35, 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

[2]. Bị đơn chị Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị B không có mặt theo thông báo của Tòa án. Anh Ngô Sỹ H hiện đang chấp hành án tại trại giam số 6 Bộ công an. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 207 BLTTDS. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 đối với bị đơn chị Nguyễn Thị B tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng chị B vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H.

- Về nội dung:

[3]. Về hợp đồng tín dụng đã ký kết: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ có tại hồ sơ có cơ sở xác định ngày 04/10/2017 Ngân hàng TMCPA và chị Nguyễn Thị B có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2017/7188344/HĐTD theo đó chị Nguyễn Thị B vay ngân hàng TMCP Đầu tư và phát Triển Việt Nam số tiền 750.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 04/10/2017. Khi giao kết hợp đồng Ngân hàng và chị Nguyễn Thị B có đầy đủ năng lực pháp luật, các bên đã tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 117, 119 BLDS năm 2015 nên hai hợp đồng tín

dụng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải tuân thủ các thỏa thuận trong hợp đồng.

[4]. Về hợp đồng thế chấp đã ký kết. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A và chị Nguyễn Thị B, anh Ngô Sỹ H đã ký kết hợp đồng thế chấp số 01/2016/7188344/HĐBĐ ngày 18/11/2016. Được sửa đổi, bổ sung bằng Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/7188344/VBSD ngày 18/6/2018. Việc ký kết hợp đồng thế chấp thực hiện đúng quy định tại các Điều 323, 342, 343 và 716 của Bộ Luật Dân Sự 2005. Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/11/2016. Vì vậy, hợp đồng thế chấp số 01/2016/7188344/HĐBĐ ngày 18/11/2016 có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn: Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng chị Nguyễn Thị B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Chị Nguyễn Thị B mới trả được số tiền lãi trong hạn là 32.309.589 đồng. Chị Nguyễn Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 7 hợp đồng tín dụng, Điều 4 và Điều 9 của Điều kiện và Điều khoản vay đính kèm theo hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng anh Ngô Sỹ H không trực tiếp ký hợp đồng tuy nhiên anh H đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị B ký kết hợp đồng tín dụng bằng văn bản ủy quyền ngày 18/11/2016. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Ngô Sỹ H và chị Nguyễn Thị B trả nợ là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6]. Xét số tiền Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H trả nợ số tiền nợ gốc là 750.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 19/7/2019, lãi trong hạn là 95.671.233 đồng, lãi quá hạn là 31.691.096 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 877.362.329 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi chị B và anh H trả hết toàn bộ số tiền nợ. Lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật”. Vì vậy, yêu cầu của ngân hàng buộc chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H trả nợ số tiền như trên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Do chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng không đúng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng thế chấp bất động sản mà các bên đã ký kết.

[8] Về án phí: Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 18.150.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000864 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi

hành án huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Buộc chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H phải chịu 38.320.000đ đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 30, khoản 1, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 30, khoản 1, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 317, 318, 319, 323, 398, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ.

- Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2. Buộc chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A

Khoản tiền nợ tính theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/7188344/HĐTD đến hết ngày 19/7/2019 gồm: số tiền nợ gốc là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 19/7/2019, lãi trong hạn là 95.671.233 đồng, lãi quá hạn là 31.691.096 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 877.362.329 đồng (tám trăm bảy bảy triệu ba trăm sáu hai nghìn ba trăm hai chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại Cổ phần A thì lãi suất mà chị B và anh H vẫn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Trường hợp chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H không thực hiện việc trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho Ngân hàng TMCP A có quyền tự mình hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, theo quy định của pháp luật, để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP A.

Các tài sản thế chấp được xử lý là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CB 942514 do UBND huyện D cấp ngày 28/01/2016 đứng tên chủ sử dụng ông Ngô Sỹ H và bà Nguyễn Thị B đã được lập thành hợp đồng thế chấp số 01/2016/7188344/HĐBĐ ngày 18/11/2016.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngân hàng TMCP A thì chị Nguyễn Thị Bé và anh Ngô Sỹ H phải trả tiếp phần còn thiếu đó cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Trả lại cho Ngân hàng số tiền 18.150.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000864 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh Nghệ An. Buộc chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Sỹ H phải chịu 38.320.000đ đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THADS;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu VP, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm